



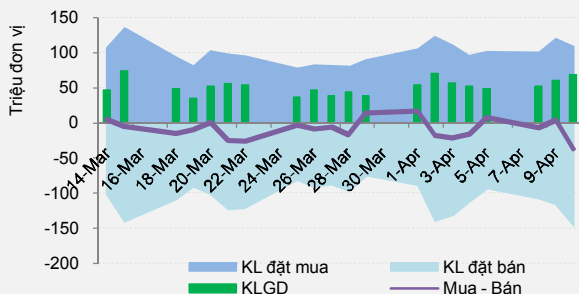
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 10/4/2013

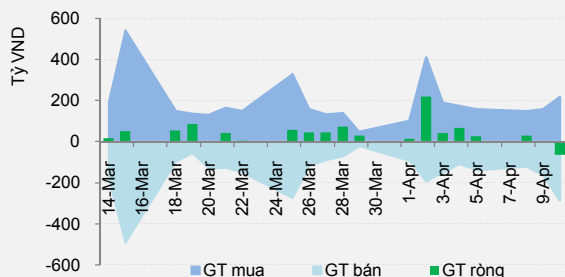
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	496.5	60.3
% Thay đổi	↓ -2.7%	↓ -1.7%
KLGD (CP)	69,177,120	55,069,654
GTGD (tỷ đồng)	1,433.65	445.02
Tổng cung (CP)	145,344,020	99,814,100
Tổng cầu (CP)	108,572,740	73,027,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	8,704,260	261,500
KL mua (CP)	6,712,130	543,100
GTmua (tỷ đồng)	219.66	9.58
GT bán (tỷ đồng)	284.89	4.15
GT ròng (tỷ đồng)	(65.23)	5.43

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -2.35%	7.5	1.5	1.5%
Công nghiệp	↓ -1.53%	16.8	1.0	13.8%
Dầu khí	↓ -3.93%	5.8	1.0	3.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.25%	8.3	1.4	2.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.61%	7.7	2.5	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.09%	13.6	5.5	17.8%
Ngân hàng	↓ -4.59%	5.5	1.4	9.9%
Nguyên vật liệu	↓ -2.44%	8.3	2.1	13.6%
Tài chính	↓ -3.41%	24.6	2.6	25.8%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -2.50%	10.2	3.4	11.2%
VN - Index	↓ -2.74%	13.8	3.2	77.2%
HNX - Index	↓ -1.69%	14.3	1.4	22.8%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,651,170	3.8%	1,716,470	3.9%
GTGD (triệu VND)	30,097	2.1%	40,340	2.8%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Kỳ vọng vào sự tích cực của cổ phiếu dẫn dắt thị trường SSI cũng như sự gia tăng trở lại của một số cổ phiếu đầu cơ sẽ hỗ trợ cho thị trường tiếp tục tăng điểm dường như đã không thành hiện thực khi mà thị trường giảm điểm mạnh trong phiên hôm nay. Phiên giảm điểm với mạnh này đã đẩy chỉ số VN-Index về dưới mức 498-500 điểm, khối lượng giao dịch tăng lên so với phiên hôm qua làm cho tín hiệu giảm điểm trở xấu hơn. Những nhà đầu tư chấp nhận mạo hiểm mua trong giai đoạn vừa qua có thể xem xét chốt lãi những cổ phiếu đang có lãi và tuân thủ kỷ luật cắt lỗ những cổ phiếu diễn biến không như dự đoán.

- VN-Index giảm điểm mạnh về mức 496.5 điểm, giảm 13.99 điểm tương ứng với mức 2.74% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 64.40 triệu đơn vị, tăng 10.75% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm mạnh về mức 60.33 điểm, giảm 1.04 điểm tương ứng với mức 1.69% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 52.30 triệu đơn vị, tăng 52.80% so với phiên trước.

- Đa số cổ phiếu có vốn hóa lớn đều giảm điểm trong phiên hôm nay với mức giảm mạnh. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm như BVH giảm 6.42%, VCB giảm 6.73%, VNM giảm 2.33%, GAS giảm 2.65%...

- Áp lực cung tăng mạnh trong phiên xác định giá đóng cửa, tập trung tại nhóm cổ phiếu Bluechips. Thị trường đang xuất hiện tín hiệu áp lực cung trên do DB bán ra do mua lại chứng chỉ quỹ FTSE và quỹ PRUBF1 thực hiện tất toán quỹ. Có 19/22 cổ phiếu thuộc danh mục của FTSE giảm giá trong phiên hôm nay, trong đó có 5 mã giảm sàn.

- Về quỹ FTSE ETF do DB quản lý, theo dữ liệu của Bloomberg, hiện thị giá chứng chỉ quỹ FTSE đang thấp hơn NAV 0.09% (discount), tính trung bình trong 52 tuần, giá cổ phiếu FTSE đang thấp hơn 0.02% so với NAV. Đối với quỹ VNM do Vaneck quản lý, chênh lệch giá so với NAV hiện tại là -1.84%, tuy nhiên tính trung bình 52 tuần, giá VNM vẫn cao hơn NAV 1.04% (premium). Hai quỹ ETF trên là dạng quỹ mở, sẽ mua lại/phát hành thêm chứng chỉ quỹ liên tục khi nhà đầu tư có nhu cầu. Thông thường, giá cổ phiếu thấp hơn NAV khoảng 2% là hấp dẫn để nhà đầu tư bán lại cho công ty quản lý quỹ. Hiện mức discount của hai chứng chỉ quỹ vẫn chưa đạt yêu cầu trên. Mặt khác, thực tế quỹ VNM vẫn đang tăng chứng chỉ quỹ phát hành thêm, tức là thu hút thêm nguồn vốn góp đều đặn; số lượng chứng chỉ quỹ của FTSE đang có xu hướng chứng lại kể từ đầu tháng 3 trở lại đây, nhưng vẫn không giảm số lượng phát hành. Do vậy, chưa có thông tin rõ ràng về áp lực cung từ DB do phải mua lại chứng chỉ quỹ, hoặc nếu có dự kiến cũng không thành xu hướng.

- Về quỹ PRUBF1, quỹ đã công bố kế hoạch tất toán quỹ khá chi tiết. Việc bán cổ phiếu sẽ được thực hiện từ 1/4/2013, dự kiến hoàn tất vào ngày 04/10/2013. Tại thời điểm 31/1/2013, danh mục của PRUBF1 bao gồm 56.6% là cổ phiếu, 14% là trái phiếu và 29.5% là tiền mặt. Tại thời điểm 14/3/2013, giá trị tài sản ròng của PRUBF1 đạt 512.75 tỷ đồng. Như vậy, lượng cổ phiếu PRUBF1 cần bán có giá trị 290 tỷ đồng, với các mã cổ phiếu chủ chốt là VNM, VCB, MSN, DPM, FPT.

- Có 39,200 lượng vàng được đấu thầu thành công trong phiên ngày hôm nay, với 18/22 đơn vị trúng thầu. Giá trúng thầu trong khoảng 43.3-43.31 triệu đồng/lượng, thấp hơn 50 - 90 nghìn đồng/lượng so với giá bán trên thị trường.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Sideway	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm mạnh về mức 496.5 điểm, giảm 13.99 điểm tương ứng với mức 2.74% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây.

Nhận định: Kỳ vọng vào sự tích cực của cổ phiếu dẫn dắt thị trường SSI cũng như sự gia tăng trở lại của một số cổ phiếu đầu cơ sẽ hỗ trợ cho thị trường tiếp tục tăng điểm dường như đã không thành hiện thực khi mà thị trường giảm điểm mạnh trong phiên hôm nay. Phiên giảm điểm với mạnh này đã đẩy chỉ số VN-Index về dưới mức 498-500 điểm, khối lượng giao dịch tăng lên so với phiên hôm qua làm cho tín hiệu giảm điểm trở xấu hơn. Những nhà đầu tư chấp nhận mạo hiểm mua trong giai đoạn vừa qua có thể xem xét chốt lãi những cổ phiếu đang có lãi và tuân thủ kỷ luật cắt lỗ những cổ phiếu diễn biến không như dự đoán.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm mạnh về mức 60.33 điểm, giảm 1.04 điểm tương ứng với mức 1.69% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch. Khi HNX-Index tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh và sau đó tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh với khối lượng đột biến.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm qua trendline.

Nhận định: Kỳ vọng vào sự tích cực của cổ phiếu dẫn dắt thị trường SHB cũng như sự gia tăng trở lại của một số cổ phiếu đầu cơ sẽ hỗ trợ cho thị trường tiếp tục tăng điểm dường như đã không thành hiện thực khi mà thị trường giảm điểm mạnh trong phiên hôm nay. Phiên giảm mạnh về điểm số và gia tăng mạnh về khối lượng thì tín hiệu của chỉ số HNX-Index mất đi động lực được tạo ra từ đầu tuần trước. Những nhà đầu tư chấp nhận mạo hiểm mua trong giai đoạn vừa qua có thể xem xét chốt lãi những cổ phiếu đang có lãi và tuân thủ kỷ luật cắt lỗ những cổ phiếu diễn biến không như dự đoán.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33

Khuyến nghị đang mở

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
SII	09/04/2013		Mua	15.2	18	14.5	15	-1.32

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường giảm điểm mạnh về cuối phiên, trước áp lực cung bất ngờ tăng mạnh trong phiên xác định giá đóng cửa. Lực cung phần lớn từ khối ngoại, với giá đặt là ATC, thể hiện quan điểm bán bằng mọi giá. Diễn biến này cho tín hiệu tiêu cực hơn về kỹ thuật, khi VN-Index đã giảm qua mốc hỗ trợ 500 điểm. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn duy trì quan điểm nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu thịnh dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu CTCK có lợi nhuận năm 2012 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	2,018	2.26%	73,988	2,156	20,265	3.60%	8.74%	57.04	7,999	1.29	6.07	6.03%
VIC	1,847	124.93%	137,291	2,041	15,071	3.44%	18.42%	30.87	3,974	0.49	4.18	-5.97%
PVI	389	11.80%	11,989	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.54	3,323	0.52	0.60	-7.74%
BVH	1,431	19.17%	516,612	1,981	17,802	3.00%	11.34%	25.74	3,184	2.06	2.86	-14.29%
HAG	365	-68.73%	761,691	650	18,150	1.23%	3.65%	37.24	2,881	1.50	1.33	-12.03%
GMD	115	1808.36%	813,766	945	40,143	1.52%	2.40%	37.58	2,471	1.41	0.88	25.00%
HPG	1,031	-16.63%	795,717	2,385	19,294	5%	13%	11.32	2,207	1.56	1.40	2.66%
KDC	357	30.45%	54,200	2,243	25,076	6.24%	9.02%	21.62	2,190	0.43	1.93	7.16%
PVD	1,448	35.66%	302,617	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.00	1,382	1.33	1.24	-6.14%
VNM	5,819	37.97%	271,563	6,981	18,578	32.99%	41.61%	18.05	1,277	0.84	6.78	21.15%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	2,018	2.26%	73,988	2,156	20,265	3.60%	8.74%	57.04	5,967	1.29	6.07	6.03%
VNM	5,819	37.97%	271,563	6,981	18,578	32.99%	41.61%	18.05	5,199	0.84	6.78	21.15%
GAS	10,102	70.84%	658,739	5,175	14,350	21.61%	38.71%	10.63	5,072	0.91	3.83	18.53%
FPT	1,985	18.04%	196,026	5,670	22,574	10.57%	26.32%	7.02	3,181	0.96	1.76	0.76%
PVD	1,448	35.66%	302,617	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.00	2,043	1.33	1.24	-6.14%
DPM	3,068	-1.17%	519,904	7,985	23,579	30.36%	35.11%	5.54	1,975	1.26	1.87	-2.64%
BVH	1,431	19%	516,612	1,981	17,802	3.00%	11.34%	25.74	1,726	2.06	2.86	-14.29%
PVS	1,263	-11.02%	1,332,305	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.39	1,568	0.72	0.67	-9.62%
HAG	365	-68.73%	761,691	650	18,150	1.23%	3.65%	37.24	1,497	1.50	1.33	-12.03%
HPG	1,031	-16.63%	795,717	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.32	1,393	1.56	1.40	2.66%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CTCK CÓ LỢI NHUẬN NĂM 2012 CAO NHẤT

Mã CK	LN 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Hàng tồn kho
SSI	465	489.23%	1,085,721	1,329	14,723	6.41%	9.04%	14.30	1,127	1.19	1.29	0
HCM	246	27.00%	227,985	2,454	21,443	8.46%	11.76%	9.45	478	1.02	1.08	0
OGC	93	-45.01%	757,318	278	11,083	0.82%	2.49%	48.96	174	1.31	1.23	249
VND	79	138.74%	1,928,526	787	11,034	5.04%	7.34%	11.69	(10)	1.89	0.83	0
BVS	77	177.32%	706,870	1,071	15,583	5.35%	7.11%	12.14	(235)	1.76	0.83	0
CTS	73	13.66%	120,536	936	11,273	5.64%	8.25%	8.12	93	1.28	0.67	0
AGR	66	-39%	56,461	311	10,667	1.09%	2.89%	17.37	74	1.13	0.51	0
SHS	31	108.08%	1,831,018	308	7,741	2.31%	4.06%	23.35	(347)	2.67	0.93	0
KLS	22	-88.28%	2,370,990	109	12,443	0.83%	0.86%	84.61	35	2.08	0.74	0
BSI	21	110.18%	32,210	245	7,833	0.95%	3.17%	15.11	(188)	0.72	0.47	0

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

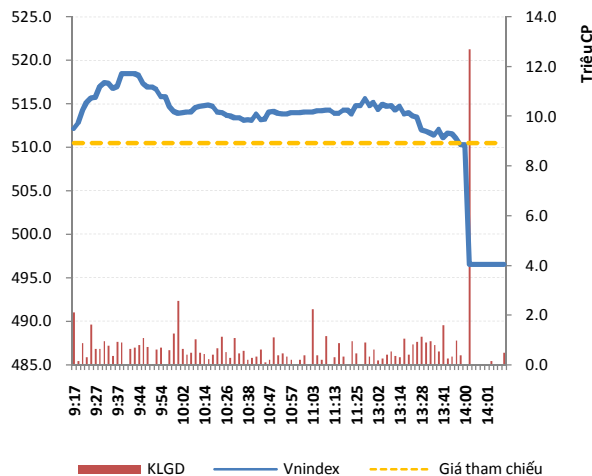
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 10/04/2013.

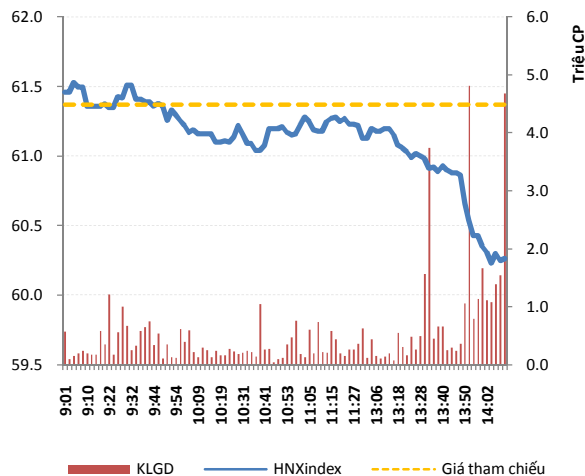


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

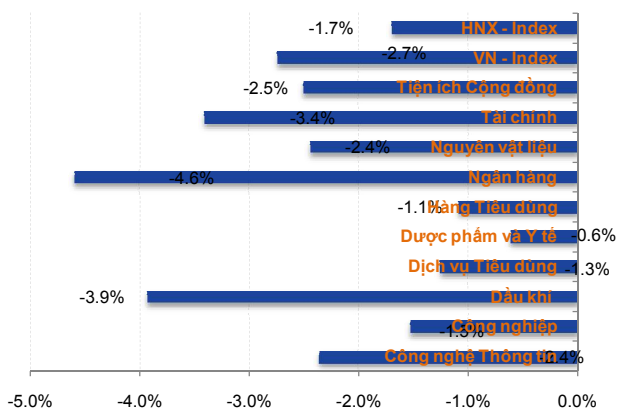
KLGD và VN-Index trong phiên



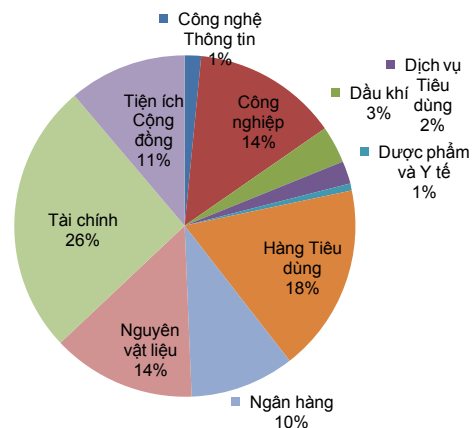
KLGD và HNX-Index trong phiên



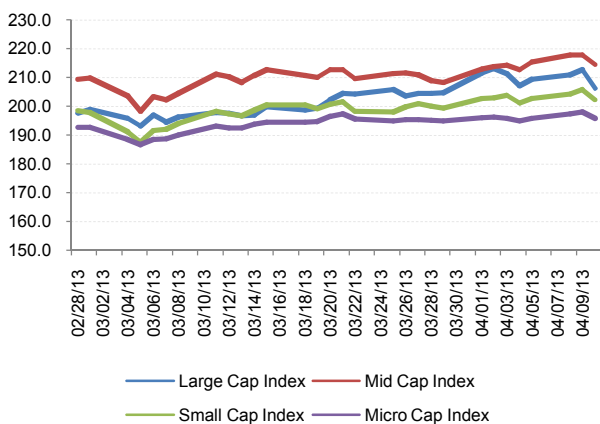
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



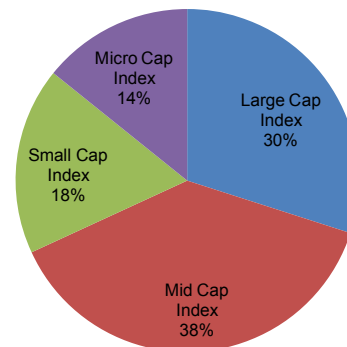
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BMI	492,560	HAG	882,130
2	DQC	337,500	ITA	442,490
3	BIC	323,380	VCB	435,090
4	VOS	232,000	STB	345,010
5	PVT	212,300	PVF	325,460

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	148,900	PVS	109,700
2	SED	51,700	VCG	21,800
3	SCR	40,000	PGS	21,500
4	DBC	29,800	PVX	11,000
5	DXP	26,500	SNG	11,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	7.1	6.8	↓ -4.23%	3,429,710
REE	21.1	20.5	↓ -2.84%	2,807,890
CSM	35.3	32.9	↓ -6.80%	2,080,040
GAS	56.5	55.0	↓ -2.65%	2,047,410
VIS	10.0	10.1	↑ 1.00%	1,981,450

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.3	6.9	↓ -5.48%	14,959,391
SCR	7.9	7.5	↓ -5.06%	5,217,181
PVX	5.0	4.6	↓ -8.00%	4,377,075
KLS	9.2	8.9	↓ -3.26%	3,038,910
SHS	7.2	6.8	↓ -5.56%	2,821,300

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
VPK	33.0	35.3	2.3	↑ 6.97%
LHG	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%
TMS	20.5	21.9	1.4	↑ 6.83%
HHS	27.9	29.8	1.9	↑ 6.81%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTS	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
VCS	9.2	10.1	0.9	↑ 9.78%
MCC	10.5	11.5	1.0	↑ 9.52%
VC7	4.3	4.7	0.4	↑ 9.30%
TBX	19.7	21.5	1.8	↑ 9.14%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
NLG	20.1	18.7	-1.4	↓ -6.97%
CSM	35.3	32.9	-2.4	↓ -6.80%
C21	16.3	15.2	-1.1	↓ -6.75%
DRC	41.6	38.8	-2.8	↓ -6.73%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CT6	8.0	7.2	-0.8	↓ -10.00%
HHL	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
NVC	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
SCC	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
KMT	7.1	6.4	-0.7	↓ -9.86%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	3,429,710	0.6%	72	94.3	0.5
REE	2,807,890	16.3%	2,703	7.6	1.2
CSM	2,080,040	32.0%	4,766	6.9	2.0
GAS	2,047,410	38.7%	5,175	10.6	3.8
VIS	1,981,450	-3.0%	(430)	-	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	14,959,391	22.0%	2,761	2.5	0.6
SCR	5,217,181	4.0%	622	12.1	0.5
PVX	4,377,075	-47.8%	(3,714)	-	0.6
KLS	3,038,910	0.9%	109	81.8	0.7
SHS	2,821,300	4.1%	308	22.0	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 12.5%	-18.8%	(1,800)	(0.5)	0.1
VPK	↑ 7.0%	40.9%	6,090	5.8	2.1
LHG	↑ 7.0%	8.1%	1,938	6.3	0.5
TMS	↑ 6.8%	13.0%	3,156	6.9	0.9
HHS	↑ 6.8%	20.8%	3,106	9.6	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PTS	↑ 10.0%	-2.6%	(401)	(11.0)	0.3
VCS	↑ 9.8%	5.3%	1,030	9.8	0.5
MCC	↑ 9.5%	17.7%	2,032	5.7	1.0
VC7	↑ 9.3%	4.5%	647	7.3	0.4
TBX	↑ 9.1%	10.8%	1,546	13.9	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BMI	492,560	3.9%	1,146	12.2	0.5
DQC	337,500	6.3%	2,231	11.2	0.8
BIC	323,380	11.2%	1,294	8.7	1.0
VOS	232,000	-2.4%	(251)	-	0.4
PVT	212,300	4.5%	470	9.8	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	148,900	22.0%	2,761	2.5	0.6
SED	51,700	25.3%	3,220	3.6	0.9
SCR	40,000	4.0%	622	12.1	0.5
DBC	29,800	19.2%	4,992	4.5	0.8
DXP	26,500	38.0%	9,957	5.7	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	105,024	41.6%	6,981	18.0	6.8
GAS	104,225	38.7%	5,175	10.6	3.8
MSN	84,535	8.7%	2,156	57.0	6.1
VCB	67,437	12.5%	2,236	13.0	1.6
VIC	58,473	18.4%	2,041	30.9	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,909	7.5%	988	16.1	1.2
SQC	8,778	12.6%	1,471	54.3	6.4
PVS	6,298	18.4%	3,211	4.4	0.7
SHB	6,114	22.0%	2,761	2.5	0.6
VCG	4,991	2.0%	291	38.8	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.90	-10.4%	(1,503)	-	0.5
ITA	2.70	0.6%	72	94.3	0.5
BVH	2.41	11.3%	1,981	25.7	2.9
LAF	1.97	-97.0%	(10,332)	-	0.9
VIS	1.96	-3.0%	(430)	-	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	2.98	-25.5%	(1,857)	-	0.4
PXA	2.84	-49.5%	(4,170)	-	0.3
PVX	2.83	-47.8%	(3,714)	-	0.6
PVL	2.81	-4.9%	(526)	-	0.3
S96	2.80	-5.9%	(455)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)